

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2026/DS-PT

Ngày: 02/4/2026

V/v “*Tranh chấp thừa kế về tài sản và  
chia tài sản chung*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Mỹ Giang.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Công Diễm và ông Nguyễn Hành

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Tuấn Phong – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:*  
Bà Phan Thị Tứ – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2025/TLPT-DS ngày 08 tháng 12 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản và chia tài sản chung*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2025/DS-ST ngày 10/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 36/2026/QĐXX-PT ngày 06 tháng 02 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2026/QĐ-PT ngày 06 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L - sinh năm 1976; cư trú tại tổ dân phố A, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

*Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:* Ông Huỳnh Ngọc Á, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 80 H, phường N, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

*- Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu L - sinh năm 1968; cư trú tại tổ dân phố A, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Nguyễn Thị H- sinh năm 1970; cư trú tại tổ dân phố X, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

2/ Bà Nguyễn Thị B- sinh năm 1974; cư trú tại tổ dân phố A, phường Đ,

tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

3/ Bà Đoàn Thị Kim A - sinh năm 1971; cư trú tại tổ dân phố A, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

4/ Bà Huỳnh Thị Ngọc B- sinh năm 1974; cư trú tại tổ dân phố A, phường T, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

*Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị L là nguyên đơn, ông Nguyễn Hữu L là bị đơn và bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ghi ngày 17/3/2022, đơn khởi kiện bổ sung ghi ngày 20/5/2022, các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Cha mẹ của bà Nguyễn Thị L là cụ Nguyễn Hữu G và cụ Lê Thị L. Cụ G và cụ L có 04 người con là: Nguyễn Hữu L, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị B và Nguyễn Thị L. Ngoài 04 người con nêu trên thì cụ G và cụ L không có người con nào khác.

Khi còn sống, cụ G và cụ L có tạo lập 01 mảnh vườn tọa lạc tại tổ dân phố An Thường, phường Phổ Hòa, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, cụ G và cụ L đã xây dựng nhà ở trên mảnh vườn nêu trên từ trước năm 1975 và các con của cụ G và cụ L đều được sinh ra trên mảnh vườn này.

Ngày 30/01/1999 cụ G chết, đến ngày 09/8/2006 cụ L chết. Trước khi chết thì cụ G và cụ L đều không để lại di chúc.

Sau khi cụ G và cụ L chết thì đến ngày 08/11/2006 mảnh vườn của cụ G và cụ L được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) đứng tên cụ Lê Thị L, thuộc thửa đất số 317, tờ bản đồ 4, diện tích 677,7m<sup>2</sup>, tại xã P, huyện Đ (nay là phường Đ), tỉnh Quảng Ngãi (Sau đây được viết tắt là thửa 317) theo GCNQSDĐ số phát hành: AL xxxxxx, số vào sổ: Hxxxxx. Đến năm 2017 ông L bảo bà L và các chị của bà L đến Ủy ban nhân dân xã P để ký vào giấy thỏa thuận giao cho ông L phần đất là di sản của cụ L để lại, còn phần đất là di sản của cụ G để làm nơi thờ cúng và để cho bà L có chỗ ở ổn định về sau. Tuy nhiên, ông L lại kê khai toàn bộ thửa đất của cha mẹ để lại và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp GCNQSDĐ cho ông L vào ngày 25/5/2021, thuộc thửa đất số 601, tờ bản đồ 4, diện tích 677,7m<sup>2</sup> tại xã P, huyện Đ (nay là phường Đ), tỉnh Quảng Ngãi. Hiện nay, thửa đất nêu trên được biến động thành 02 thửa đất là: Thửa đất số 602, tờ bản đồ số 4, diện tích 166,5m<sup>2</sup> và thửa đất số 603, tờ bản đồ số 4, diện tích 511,2m<sup>2</sup>.

Năm 2021 ông L tháo dỡ nhà ở của cha mẹ để xây dựng lại nhà mới, từ đó gây khó khăn về chỗ ở của bà L, kể cả gây khó khăn cho các chị, em của bà L về đốt nhang, hương khói cho ông bà, cha mẹ.

Theo đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết: Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Hữu G là  $\frac{1}{2}$  diện tích thửa 317 cho bà L và các đồng thừa kế là ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị B. Tuy nhiên, theo thông tin do UBND phường P cung cấp thì nguồn gốc thửa 317 được cân đối theo Nghị định 64-CP cho hộ gia đình ông Nguyễn Hữu G, riêng đất ở không cân đối. Vì vậy, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Chia tài sản chung đối với 476,5m<sup>2</sup> đất BHK đã được cân đối theo Nghị định 64-CP của Chính phủ, thuộc thửa 317 (nay thuộc thửa đất số 603, tờ bản đồ số 4, tại phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi) cho cụ Nguyễn Hữu G, cụ Lê Thị L, ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị L và bà Huỳnh Thị Ngọc B, mỗi người được nhận diện tích đất là 68,07m<sup>2</sup>. Bà L đồng ý nhận phần tài sản mà bà Huỳnh Thị Ngọc B được chia nhưng bà B giao cho bà L được toàn quyền sử dụng.

Chia thừa kế phần di sản của cụ G để lại là 100m<sup>2</sup> đất ở và 68,07m<sup>2</sup> đất BHK, thuộc thửa 317 cho cụ Lê Thị L, ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị L, mỗi người được nhận 20m<sup>2</sup> đất ở và 13,61m<sup>2</sup> đất BHK.

Giao kỹ phần thừa kế mà bà L, bà B và bà H được chia và phần tài sản trong khối tài sản chung mà bà L, bà B, bà H và bà B được chia cho bà Nguyễn Thị L nhận, tổng cộng là 373,11m<sup>2</sup> đất, trong đó có: 313,11m<sup>2</sup> đất BHK và 60m<sup>2</sup> đất ở. Bà L đồng ý thanh toán lại cho bà B và bà H giá trị kỹ phần thừa kế mà bà B và bà H được chia và phần tài sản trong khối tài sản chung mà bà B và bà H được chia.

Đối với phần di sản thừa kế của cụ L để lại thì bà L đã ký văn bản thoả thuận đồng ý để cho ông Nguyễn Hữu L nên bà L không yêu cầu chia. Đối với thửa đất số 602, tờ bản đồ số 4, diện tích 166,5m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế là 165,2m<sup>2</sup>) đã được ông L chuyển nhượng cho Dương Văn T thì bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết vì: Phần diện tích đất này thuộc di sản thừa kế của cụ Lê Thị L mà anh, chị, em của bà L đã thoả thuận giao cho ông L.

*Tại đơn phản hồi đề ngày 29/6/2022, bản trình bày ý kiến đề ngày 08/7/2022, các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Hữu L trình bày:*

Về quan hệ huyết thống thì ông thống nhất với trình bà của bà Nguyễn Thị L.

Khi còn sống, cha mẹ của ông có diện tích đất làm nhà ở tại thửa 317. Sau khi cha của ông chết (ngày 30/01/1999) thì mẹ của ông tiếp tục sử dụng thửa đất này, do mẹ của ông già yếu nên ông là người nộp thuế sử dụng đất cho Nhà nước từ trước đến nay.

Ngày 08/11/2006 Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp GCNQSDĐ số vào sổ: H01474 đối với thửa đất nêu trên cho mẹ của ông là cụ Lê Thị L. Ngày 08/9/2007 (âm lịch) mẹ của ông chết nhưng khi đi đăng ký khai tử vào năm 2017, ông khai nhầm là mẹ ông chết vào ngày 09/8/2006. Sau khi mẹ của ông chết thì ông tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất nêu trên đến nay.

Ngày 26/5/2017 các anh, chị, em của ông đến Ủy ban nhân dân xã P đề lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, trong đó anh, chị, em của ông là Nguyễn Hữu L, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị H xác định: Anh, chị, em của ông là những người thừa kế theo pháp luật của cụ Lê Thị L, chết ngày 09/8/2006, trước khi chết cụ L không để lại di chúc hoặc bất kỳ nghĩa vụ tài sản nào, di sản thừa kế của cụ Lê Thị L chết để lại là quyền sử dụng đất của thửa 317. Bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị H thống nhất nhường quyền hưởng di sản thừa kế của mình và tặng cho toàn bộ di sản thừa kế nói trên cho ông; ông xin nhận thừa kế di sản nói trên của cụ L để lại và trọn quyền làm thủ tục cấp GCNQSDĐ theo quy định của pháp luật. Văn bản phân chia di sản thừa kế nêu trên được Ủy ban nhân dân xã P xác nhận ngày 26/5/2017.

Theo văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế nêu trên thì các bà Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị H đều xác định thửa 317 là di sản thừa kế của cụ Lê Thị L chết để lại và thống nhất giao toàn bộ thửa đất trên cho ông vì ông là con trai duy nhất, đã chăm lo, phụng dưỡng mẹ suốt thời gian đau ốm cho đến khi mẹ chết, lo mồ mả, cúng giỗ ông bà, cha mẹ. Sau khi được các em thỏa thuận giao cho ông toàn bộ thửa 317 thì ông đã làm thủ tục tách thửa đất thành 02 thửa là: Thửa đất số 602, tờ bản đồ số 4, diện tích 166,5m<sup>2</sup> và thửa đất số 603, tờ bản đồ số 4, diện tích 511,2m<sup>2</sup>. Sau đó, ông đã chuyển nhượng thửa đất số 602, tờ bản đồ số 4 cho ông Dương Văn T để lấy tiền làm nhà, cũng như làm nơi thờ cúng ông bà, cha mẹ vì căn nhà trước đây mỗi lần mưa là ngập nước không ở được.

Nay bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần di sản thừa kế của cha là cụ Nguyễn Hữu G để lại và yêu cầu chia tài sản chung đối phần diện tích đất được cân đối theo Nghị định 64-CP của Chính phủ, thuộc thửa 317 thì ông không đồng ý vì các em của ông đã xác định toàn bộ thửa 317 là di sản thừa kế của mẹ Lê Thị L để lại và đã thống nhất để lại toàn bộ thửa đất trên cho ông trọn quyền sử dụng; thửa đất nêu trên không được cân đối theo Nghị định 64-CP của Chính phủ. Trường hợp phải chia thừa kế, chia tài sản chung thì ông yêu cầu Tòa án xem xét công sức, phi phí mà ông đã đổ đất, nâng nền, làm tăng giá trị của thửa đất.

*Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 11/7/2022, văn bản trình bày ngày 18/5/2023 và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị B trình bày:*

Các bà thống nhất với tất cả các ý kiến trình bày của nguyên đơn. Các bà đồng ý giao kỹ phần thừa kế mà các bà được chia và phần tài sản trong khối tài sản chung mà các bà được chia cho bà Nguyễn Thị L nhận. Bà L có nghĩa vụ

thanh toán lại cho các bà giá trị kỹ phân thừa kế mà các bà được chia và phần tài sản trong khối tài sản chung mà các bà được chia.

Đối với phần di sản thừa kế của cụ Lê để lại thì các bà đã thỏa thuận đồng ý để cho ông Nguyễn Hữu L nên các bà không yêu cầu chia. Đối với thửa đất số 602, tờ bản đồ số 4, diện tích 166,5m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế là 165,2m<sup>2</sup>) đã được ông L chuyển nhượng cho Dương Văn Thì các bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vì phần diện tích đất này thuộc phần đất của cụ Lê Thị L mà anh chị em của các bà đã thỏa thuận giao cho ông L.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị Kim A:* Thống nhất với toàn bộ ý kiến trình bày của bị đơn ông Nguyễn Hữu L.

*Tại bản tự khai đề ngày 06/6/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Ngọc B trình bày:*

Bà kết hôn với ông Nguyễn Hữu L vào tháng 3/1992. Sau khi kết hôn bà nhập khẩu vào hộ của cha mẹ ông L là cụ Nguyễn Hữu G, Lê Thị L. Năm 1993 bà và ông L có 01 con chung là Nguyễn Hữu P. Năm 1994 – 1995 Nhà nước có giao đất cho hộ gia đình theo Nghị định 64-CP của Chính phủ. Khi Nhà nước giao đất bà với con bà đều là nhân khẩu thuộc hộ cụ G, cụ L.

Khi Nhà nước giao đất, bà không biết hộ cụ G, cụ L được Nhà nước cân đối và giao bao nhiêu thửa đất nhưng qua biên bản làm việc của Tòa án với UBND phường P thì thửa đất số 317, tờ bản đồ số 4, diện tích 677,7m<sup>2</sup>, tại phường Phổ Hòa, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi đã cân đối cho hộ cụ Lê Thị L theo Nghị định 64-CP của Chính phủ (trừ đất ở). Lúc này, trong hộ cụ L có nhân khẩu là bà. Nay bà Nguyễn Thị L yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất nêu trên thì bà có ý kiến như sau: Phần diện tích đất thuộc nhân khẩu của bà được Nhà nước cân đối và giao theo Nghị định 64-CP tại thửa 317 bà đồng ý giao cho bà Nguyễn Thị L toàn quyền quản lý, sử dụng.

*Bản án sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 10/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi:*

Căn cứ khoản 2 và khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 147, 157, 158, 165, 166, 235, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 207, 212, 219, 609, 610, 611, 612, 613, 649, 650 và 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 167, 188 của Luật Đất đai năm 2013; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về thừa kế tài sản.

2. Chấp nhận một yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về chia tài sản chung.

Chia cho bà Huỳnh Thị Ngọc B được nhận 68,07m<sup>2</sup> đất BHK, thuộc thửa đất số 603, tờ bản đồ số 4, tại phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là phường Đ,

tỉnh Quảng Ngãi) và ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị Ngọc B về việc đồng ý giao 68,07m<sup>2</sup> đất BHK nêu trên cho bà Nguyễn Thị L nhận.

Giao toàn bộ 68,07m<sup>2</sup> đất BHK, thuộc thửa đất 603, tờ bản đồ số 4, tại phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi) mà bà Nguyễn Thị L được nhận cho ông Nguyễn Hữu L quản lý, sử dụng.

Buộc ông Nguyễn Hữu L phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị L giá trị 68,07m<sup>2</sup> đất BHK mà bà L được nhận nhưng giao cho ông Nguyễn Hữu L quản lý, sử dụng là 121.579.200 đồng.

Ngoài ra bản án còn giải quyết về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

- Ngày 22/9/2025, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

- Ngày 24/9/2025 và ngày 03/10/2025, bị đơn ông Nguyễn Hữu L kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về chia tài sản chung; không đồng ý với mục 4 phần Quyết định tại Bản án số 13/2025/DS-ST ngày 10/09/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi; công nhận quyền sử dụng diện tích đất 68,07m<sup>2</sup> loại đất BHK thuộc thửa đất 603, tờ bản đồ số 4, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi) cho ông theo các Giấy chứng nhận đã được UBND các cấp ban hành từ trước đến nay.

- Ngày 22, 23/9/2025 bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị B kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi theo hướng chia tài sản chung của hộ gia đình và chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Hữu G đối với thửa 317, diện tích 677,7m<sup>2</sup> cho chị, em các bà được hưởng.

Tại phiên toà phúc thẩm người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Huỳnh Ngọc Á và bị đơn ông Nguyễn Hữu L vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị B là người kháng cáo đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà H, bà B.

- Về nội dung kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đầy đủ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng

dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Hữu L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[1.2] Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị B, Huỳnh Thị Ngọc B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Bà H, bà B là người kháng cáo nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà H, bà B; xét xử vắng mặt bà B là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tiền tạm ứng án phí phúc thẩm của bà H, bà B đã nộp được sung công quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[1.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự có mặt đều trình bày tất cả các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm; các đương sự đều không có tài liệu, chứng cứ gì để cung cấp thêm tại cấp phúc thẩm. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm xét xử trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có tại hồ sơ vụ án.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị L:

[2.1] Cấp sơ thẩm xác định những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Hữu G (chết ngày 30/01/1999) và cụ Lê Thị L (trên giấy khai tử ghi chết ngày 09/8/2006; theo trình bày của ông Nguyễn Hữu L và ảnh chụp bia mộ thì cụ L chết ngày 08/9/2007) gồm ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị L; nguồn gốc và diễn biến của quá trình sử dụng thửa 317 đúng như các đương sự trình bày và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Các nội dung này các đương sự đều thống nhất, không có tranh chấp.

[2.2] Ông Nguyễn Hữu L cung cấp bản sao có công chứng Biên bản họp gia đình có xác nhận của UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi ngày 05/10/2006 (bút lục 93-94) và trình bày bản gốc đã bị mất, nội dung biên bản cụ

Lê Thị L, ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị L thống nhất giao 50% diện tích thửa đất số 317 là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Hữu G cho cụ L định đoạt, ngày 08/11/2006 cụ L đã được cấp đổi GCNQSDĐ đối với thửa 317 từ hộ cụ L sang cá nhân cụ L.

Sau khi cụ Lê Thị L chết, ngày 26/5/2017 những người trong hàng thừa kế thứ nhất của cụ L gồm: Ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị L lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, trong đó xác định di sản thừa kế của cụ L để lại là quyền sử dụng đất của thửa 317 (theo GCNQSDĐ số phát hành AL 341680, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H.01474 do UBND huyện Đ cấp ngày 08/11/2006); bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị L thống nhất nhường quyền hưởng di sản thừa kế của mình và tặng cho toàn bộ phần di sản thừa kế nói trên của các bà cho anh trai là ông Nguyễn Hữu L, nội dung văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế cũng xác định toàn bộ thửa 317 là di sản thừa kế của cụ L, hoàn toàn phù hợp với nội dung Biên bản họp gia đình (bút lục 93-94) và việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ L vào ngày 08/11/2006.

Căn cứ văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế nêu trên đã được UBND xã P chứng thực ngày 26/5/2017, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – chi nhánh Đ đã chỉnh lý trang 4 sang tên ông Nguyễn Hữu L ngày 13/6/2017.

Sau đó, ông L đã đổ đất nâng nền, xây dựng nhà ở, tường rào xung quanh thửa đất, thực hiện các thủ tục tách thửa đất thành thửa đất số 602, tờ bản đồ số 4, diện tích 166,5m<sup>2</sup> và thửa đất số 603, tờ bản đồ số 4, diện tích 511,2m<sup>2</sup>; ông L đã chuyển nhượng thửa đất số 602 cho ông Dương Văn T, nhưng cũng không có ai tranh chấp, khiếu nại gì.

Theo nhận định trên có căn cứ xác định ông Nguyễn Hữu L có quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa 317 trên cơ sở thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của ông L và các bà L, H, B. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Hữu L: Bà Huỳnh Thị Ngọc B (là thành viên trong hộ cụ L tại thời điểm cân đối đất theo Nghị định 64-CP của Chính phủ), phần tài sản của bà B là 68,07m<sup>2</sup> đất BHK trong thửa 317. Những người trong hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Hữu G thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đối với toàn bộ thửa 317 là vi phạm quy định về định đoạt tài sản chung theo phần được quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật Dân sự năm 2005, nên thỏa thuận đối với diện tích đất thuộc quyền sử dụng của bà B không có hiệu lực. Quá trình giải quyết vụ án, bà B đồng ý giao cho bà L toàn quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất bà B được chia theo Nghị định 64-CP của Chính phủ. Cấp sơ thẩm giải quyết về nội dung này là đúng pháp luật. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hữu L.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự:

Các bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Hữu L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 3 Điều 296, Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị B.

Tiền tạm ứng án phí phúc thẩm các bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị B đã nộp mỗi người 300.000 đồng theo các biên lai số 0001543, 0001544 cùng ngày 16/10/2025 được sung vào công quỹ Nhà nước.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Hữu L

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm 13/2025/DS-ST ngày 10/9/2025 của Toà án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Hữu L, mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà Nguyễn Thị L đã nộp theo biên lai số 0001541 ngày 16/10/2025 và ông Nguyễn Hữu L đã nộp theo biên lai số 0001739 ngày 23/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Công Diên**

**Nguyễn Hành**

**Lê Thị Mỹ Giang**

